

TÌNH HÌNH GIẢNG DẠY XÃ HỘI HỌC TẠI MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở MIỀN NAM TRƯỚC 1975

VŨ PHẠM NGUYỄN THANH

Những công trình nghiên cứu có tính chất xã hội học đầu tiên của Việt Nam đã có từ những năm 1935 - 1936 dưới thời Pháp. Sau đó, trong những năm đầu xâm lược Việt Nam, Mỹ đã cuốn hút một số trí thức miền Nam tiến hành các cuộc điều tra xã hội học cụ thể. Nhiều người trong số họ đã có công trình riêng. Nhưng chỉ vào khoảng cuối những năm 1955-1956, khi lớp đầu tiên những người đi học xã hội học ở nước ngoài về nước, mới bắt đầu thực hiện việc giảng dạy xã hội học trong các trường đại học.

1. Trường Quốc gia Hành chính - thử nghiệm đầu tiên của Mỹ về việc đưa xã hội học vào dạy trong các trường đại học.

Việc đưa xã hội học vào trường Quốc gia Hành chính, như Đoàn cố vấn Đại học Tiểu bang Michigan quan niệm, là nằm trong kế hoạch thực hiện chương trình cải cách giáo dục đại học. Ngay từ những năm 1953 - 1954, chính Nichxơn (khi đó còn là Phó Tổng thống) đã gặp Chủ tịch Trường đại học Michigan yêu cầu thành lập một phái đoàn sang giúp Ngô Đình Diệm xây dựng chính quyền. Một phái đoàn gồm 4 thành viên thuộc Đại học đường Michigan được cơ quan Quản trị hoạt động ngoại quốc (FOA) gửi sang Việt Nam vào mùa thu năm 1954. Thời kỳ hoạt động mạnh mẽ nhất của Đoàn có tới 55 nhân viên của Ban Quản trị Đại học đường Michigan và 151 nhân viên Việt Nam và nhân viên khác mướn tại chỗ.

Đoàn cố vấn Đại học Michigan đã làm rất nhiều việc có tính chất nền móng trong việc giúp chính quyền Diệm thiết lập một bộ máy thống trị theo kiểu Mỹ, từ việc tổ chức quân đội, cảnh sát tình báo...đến việc tổ chức hành chính địa phương, quản lý ngân sách tài chính, văn hóa, giáo dục...

Việc bảo trợ trường Quốc gia Hành chính cũng là một hoạt động rất quan trọng của Đoàn. Trường Quốc gia Hành chính là cơ quan giáo dục có mục đích đào tạo cán bộ đảm nhận chức vụ cao nhất trong nền công vụ, trong tổ chức hành chính từ cấp tỉnh đến các địa phương. Trường đề ra một số chương trình nghiên cứu đáp ứng những đòi hỏi cấp bách từng lúc của chính quyền Mỹ - nguy, thí dụ như lúc đó là nghiên cứu chương trình ổn định nơi ăn chốn ở và công việc làm đối với khoảng 324.630 người Bắc di cư vào tháng 7 năm 1955 (¹).

Trường Quốc gia hành chính tiến hành các dự định nghiên cứu và giảng dạy theo phương pháp của Đại học Michigân. Mặt khác, trường cũng có chương trình đào tạo ở nước ngoài (Mỹ, Philippin, Nhật, Malaixia...). Đoàn Michigân cũng đã giúp nhà trường soạn thảo sách giáo khoa, và năm 1907 đã thành lập Hội nghiên cứu Hành chính với tập san *Nghiên cứu Hành chính*. Nhiều bài viết có tính xã hội học của thành viên thuộc hai tổ chức này đăng trên các tạp chí *Quê hương*, *Tiến bộ*, *Luật pháp* và *Kinh tế*.

Ngoài một số giờ giảng thuần túy lý thuyết, Đoàn đã cùng với trường tiến hành điều tra về hoàn cảnh xã hội, kinh tế và chính trị ở Việt Nam trên nhiều chủ đề lớn nhưng khác nhau.

Cuộc sưu tầm thực nghiệm quy mô nhất tiến hành trong ba năm là đề tài “*Khảo sát tổ chức cộng đồng hương thôn Việt nam*”, tìm hiểu các tầng lớp chủ yếu trong làng như viên chức, thân hào, tìm hiểu trường hợp người dân đều ở trong một khu trù mật, họ đến văn phòng xã nộp thuế, đổi giấy cư trú... Hình thức điều tra đã kết hợp việc khảo cứu sưu tầm tư liệu với phỏng vấn bằng bảng câu hỏi và trực tiếp quan sát. Công trình này đáp ứng với đòi hỏi cấp bách của các nhà chiến lược “chống nổi dậy” của Lầu Năm góc, mà nội dung chủ yếu là chống chiến tranh nhân dân, trong đó mỗi người dân là một du kích. Tìm hiểu tổ chức cộng

¹ Về con số người Bắc di cư, nhiều tài liệu đưa ra có khác nhau. Theo Tòa thánh Rôma ở Hà Nội thì có 650.000 giáo hữu di cư kéo theo hàng mấy trăm ngàn người nữa. Chính quyền Diệm khi tuyên bố có 1 triệu người, khi khác lại là 887.000 (764.000 công giáo) với mục đích tuyên truyền chính trị và xin viện trợ của Mỹ Theo Trần Văn Giàu thì số công giáo di cư là 324.630 trên 1.099.007 người công giáo ở miền Bắc (trong đó có 508 linh mục, 4 giám mục).

đồng hương thôn Việt Nam là nhằm mục đích phá hủy hạ tầng cơ sở của xã hội truyền thống Việt Nam là làng xã, có lập cách mạng. Do đó cuộc sưu tầm thu hút lực lượng điều tra lớn với các biện pháp kỹ thuật đầy đủ.

Từ năm 1959, trường đã trở thành trung tâm sưu tầm và cung cấp về hành chính chung cho tổ chức Đông Nam Á. Trường đã tập trung xây dựng một thư viện với hơn 16.000 cuốn sách xã hội học. 200 tư liệu của chính phủ, 1.500 tạp chí đã đóng bìa và 1.800 tài liệu có liên quan khác. Thư viện thường xuyên có 13 thứ nhật báo và tuần báo khác nhau.

Trường Quốc gia hành chính đã thu hút học viên khá đông (mỗi năm có đến 1.000 học viên xin học), thực sự trở thành nguồn bổ sung trực tiếp lực lượng cán bộ cho chính quyền. Đến tháng 3-1962, trong số 500 học sinh tốt nghiệp thì một nửa số sinh viên được bổ dụng vào các cơ quan trung ương, số còn lại vào các cơ quan hành chính tỉnh, huyện. Trường còn mở cả lớp tối cho viên chức và quân nhân. Đến năm 1960, đã phát 417 chứng chỉ “Năng lực hành chính” cho học viên các lớp tối này. Tháng 8 năm 1962 đã mở một khóa học đặc biệt dành riêng cho người Thượng, giúp họ đảm nhận nền hành chính với đồng bào của họ, nối tay cho người Mỹ cai quản dân tộc này.

2. Quá trình đưa xã hội học vào một số trường đại học khác.

Lớp đầu tiên những người học xã hội học ở nước ngoài về chỉ khoảng trên dưới 10 người, và những người này không phải là kết quả của một kế hoạch đào tạo chính quy của Mỹ. Đa số người trong số họ đã tự phát đi học, vì khi đó ngành xã hội học ở Mỹ đang rất thịnh hành. Chỉ đến những năm 60, đánh dấu bằng việc thành lập Viện Đại học Haoai (25-10-1960), Mỹ mới có kế hoạch đào tạo một cách chính quy các chuyên viên xã hội học cho các nước theo Mỹ và kế hoạch gửi các giáo sư xã hội học (do cơ quan USAID bảo trợ) đi các nơi.

Từ khi có những người học xã hội học ở nước ngoài về, xã hội học đã được đưa vào hầu hết các viện Đại học lớn ở miền Nam (Cần Thơ, Vạn Hạnh, Đà Lạt, Văn khoa...). Thời kỳ đầu, số giáo viên phần lớn học ở Pháp về, nên xã hội học được trình bày dưới dạng lịch sử của những học thuyết xã hội học, mang tính triết học

hơn là xã hội học. Nội dung bài giảng thường là sự rập khuôn hoặc mô phỏng các tài liệu của pháp, Mỹ và tùy thuộc vào vốn hiểu riêng qua từng giáo viên về những điều đã học được. Tình hình này tồn tại cho đến khi có sự tham gia của phái đoàn cố vấn Đại học tiểu bang Michigân. Với phát đoàn này, người Mỹ đã tiến hành việc áp dụng phương pháp điều tra xã hội học trên một số vấn đề cụ thể, đã tổ chức việc kết hợp giảng dạy lý thuyết và thực nghiệm ở trường đại học (như ở trường Quốc gia Hành chính).

Ban đầu, do tính chất quá mới mẻ của môn học, chính quyền chưa nhận thức được tính hữu hiệu của nó. Nhiều người lại đã đồng nhất xã hội học với công tác xã hội hoặc chính trị học, nên trong một số năm. Ở các trường đại học, ban Xã hội học thường là ban kém nhất so với các ban Nhân văn và Báo chí.

Năm 1961- 1962, có thể coi là thời điểm sớm nhất, xã hội học được chính thức đưa vào trường đại học (Văn khoa). Lúc đầu nó được xếp cùng với nhân chủng học vào ban Triết.

Năm 1964, khi xã hội học là chứng chỉ bắt buộc trong ba chứng chỉ cùng với nhân chủng học và văn minh Việt Nam ở Đại học Văn khoa thì ở Đại học Vạn Hạnh, xã hội học được dạy trong ban Báo chí.

Năm 1969, Đại học Văn khoa đã mở cấp cao học cho ba ngành tâm lý học, xã hội học và nhân chủng học.

Năm 1972, Đại học Văn khoa đã công nhận thêm chứng chỉ xã hội học long quát, và năm 1973 - 1974, nhà trường đã chính thức thành lập cử nhân chuyên khoa xã hội học.

Cũng vào thời gian đó, môn xã hội học đã được dạy một cách có hệ thống ở cấp cử nhân và cao học của ngành chính trị - xã hội tại trường Chính trị - Kinh doanh Đà Lạt. Trong chương trình năm thứ tư của ban chính trị - xã hội trường Đà Lạt, sinh viên có thời gian thực hiện chương trình khảo cứu xã hội.

Đến năm giải phóng miền Nam, trường Đại học Văn khoa đã tiến hành việc thành lập chương trình tiến sĩ xã hội học, đã phát bẫy bằng cao học.

Khoảng hai, ba năm trước khi giải phóng, ở trường Đại học Cần Thơ đã tiến hành việc dạy xã hội học theo chế độ cấp tín chỉ Học sinh trong ban Xã hội học đã có ít nhiều thời gian thực hành

kết hợp với các giờ thảo luận phân lý thuyết trên lớp. Nhà trường cũng đã bước đầu chú ý giải quyết tình trạng thiếu tài liệu xã hội học tiếng Việt cho học sinh, chú ý đến việc tổ chức hội thảo những vấn đề xã hội học, tạo một thói quen và khả năng trình bày vấn đề trước một nhóm người.

Cùng với thời gian, vị trí của môn xã hội học trong trường đại học xã thay đổi khá nhanh. Càng những năm sau này, số học sinh dự thi vào ngành xã hội học càng đông hơn. Và thực sự những sinh hoạt học thuật của ban Xã hội học cũng phong phú hơn.

Để cụ thể hóa việc dạy và học xã hội học, cần phải dẫn ra các bài giảng và luận văn của sinh viên. Tuy nhiên, điều này rất khó khăn. Hầu hết các giáo viên đã giảng từ 1, 2 năm đến 10 năm đều không có giáo án. Nhiều người chỉ giảng những phần tâm đắc trong khi học, chẳng hạn về “Nhập môn xã hội học”, “Xã hội học- diễn tiến và phát triển”, “ Tư tưởng xã hội học”, “Xã hội học đô thị”... Một số người không học xã hội học, nhưng vẫn tham gia dạy đều đặn các môn về “Các phương pháp điều tra xã hội học”, “Kỹ thuật xác suất thống kê”. Một số khác có giáo án trong khi giảng, nhưng các giáo án đó cũng không có gì đặc biệt. Còn luận văn của sinh viên thì cho đến nay cũng chưa có điển kiện sưu tầm và đánh giá đầy đủ.

Những tài liệu có tính chất giáo khoa còn lại sau này phần lớn do sinh viên tự ghi lại để học. Một số bản được giáo viên sửa đổi khi có nhu cầu ấn loát làm tư liệu tham khảo trong trường. Vì thế nội dung thường lộn xộn, trùng lặp và không đầy đủ. Khi tiếp xúc với một số cuốn vở của sinh viên ngành xã hội học, chúng tôi thấy là nhiều bài giảng đều bắt đầu từng một cấu trúc chung khá hợp lý. Nghĩa là bài giảng không mở đầu bằng lịch sử các học thuyết xã hội học, lịch sử môn học, bằng các khuynh hướng, trường phái, mà đi ngay vào những điểm đặc trưng có tính đặc thù xã hội học so với các môn khoa học xã hội khác. Phương pháp đó cho phép giới thiệu ngay những khái niệm cơ bản được dùng thường xuyên trong xã hội học. Sau đó là phần giảng xen kẽ giữa các khái niệm cơ bản và các khái niệm có tính chất chuyên ngành. Giữa phần khái niệm cơ bản và phần thực nghiệm là một vài bài giới thiệu lịch sử môn học, vài quan điểm đang được tranh luận giữa các

trường phái lý thuyết ... Cuối cùng là phần phương pháp điều tra xã hội học với các bài giảng về khoa học thống kê, đo lường xác suất, các kỹ thuật xử lý kết quả điều tra thủ công và bằng máy.

Tuy chỉ được giới thiệu sơ lược, nhưng cách bắt đầu bằng các khái niệm cơ bản như vậy là cần thiết. Đa số các bài giảng nặng về các môn chuyên ngành của xã hội học (xã hội học gia đình, văn hóa, xã hội học đô thị, tôn giáo...), né tránh vấn đề chung về phương pháp luận của nhận thức xã hội học. Sinh viên nhiều khi chưa biết tới lý thuyết và đối tượng chung của xã hội học, mà đi thẳng ngay vào các đối tượng xé nhỏ của các môn xã hội học chuyên ngành với kỹ thuật điều tra cụ thể của chuyên ngành đó. Đây là một biểu hiện của chủ nghĩa thực nghiệm Mỹ, vốn cho phép người làm xã hội học đi ngay vào việc miêu tả các sự kiện cụ thể của xã hội, rút ra những kết luận trước mắt dựa trên những giải thích về hành vi, tâm lý cá nhân, giới hạn và tách rời những sự kiện đó với tổng thể xã hội.

Về mặt hình thức, đa số các tài liệu đó đều là sự kết hợp hoặc mô phỏng một cuốn sách có tính giáo khoa ở nước ngoài với những suy nghĩ, hiểu biết của người giảng. Nhiều giáo viên đã nói rằng họ dạy theo cuốn xã hội học của Fichter hay của L.Broom. Những vấn đề giảng nhiều khi là sự chấp vá giữa lý thuyết nước ngoài và thực tế trong nước, nên nó vụn vặt, tản mạn... Điều này biểu hiện ảnh hưởng rất rõ trong luận văn của sinh viên.

Căn cứ vào các khoảng thời gian sinh viên làm luận văn, chúng tôi thấy khuynh hướng của đề tài có nhiều thay đổi. Từ 1969 trở đi khuynh hướng điều tra thực nghiệm ngày càng nhiều. Đa số sinh viên (nhất là sinh viên của trường Quốc gia Hành chính) qua luận văn đã chứng tỏ sự đáp ứng khá nhạy bén đối với những biến cố, những thay đổi thời sự của xã hội. Họ đã đề cập đến tất cả các vấn đề như công cuộc phát triển kinh tế nông thôn, đời sống công nhân, phụ nữ, sinh viên, vấn đề phát triển thị tứ, cứu trợ xã hội, ty nạn chiến tranh, văn hóa, hội từ thiện, tôn giáo, tội phạm...

Tuy nhiên rất nhiều đề tài mới chỉ là những nét phác thảo đầu tiên. Nhiều bản luận văn đã chọn được đề tài sát hợp, nhưng cách đặt vấn đề nhiều khi chưa thật trúng, hoặc lại có quá ít tư liệu để kết luận một khía cạnh nào đó của xã hội.

Đây là khó khăn chung đối với tất cả những người có thiện ý nghiên cứu chứ không riêng gì giáo viên và học sinh là hai tầng lớp hoàn toàn không có một chút khả năng nào về cộng tác viên, về điều kiện và thời gian thực tế, về chi phí nghiên cứu... Nhiều bản luận văn phải tìm đến những đề tài rất nhỏ (tiệm cầm đồ, con nuôi, quán cơm xã hội, người giúp việc...), hy vọng có thể dùng những quan sát trực tiếp trong một phạm vi hẹp để thu tóm được một vấn đề nào đó. Các bản luận văn tuy phong phú về đề tài, nhưng đó là bức tranh ghép, là những mảnh rời nhau của một cuộc sống có quá nhiều biến động phức tạp.

3. Mấy nhận xét về kết quả của việc dạy và học xã hội học ở miền Nam.

Nếu như chỉ căn cứ trên trình độ học vấn của giáo viên, tính chất phong phú của môn học và đề tài luận văn để kết luận rằng xã hội học là một khoa được xây dựng hoàn chỉnh ở các trường đại học ở miền Nam trước đây, thì chúng tôi e rằng chưa đúng. Bởi vì vấn đề đầu tiên là việc đào tạo không có mục tiêu, nội dung và phương pháp giảng dạy của cả Pháp và Mỹ đều để lại những thiếu sót. Giáo viên quá thiếu về số lượng, không có thời gian để soạn thảo giáo án. Nhiều người đã dịch và viết tài liệu thì lại không có tiền để in. Vì thế tài liệu giảng dạy xã hội học ở bậc đại học rất hiếm. Cả giáo viên và sinh viên đều rất ít có dịp điều tra thực tế. Có khi chính quyền cần tổ chức nghiên cứu thì giáo viên chỉ là những phụ tá lý thuyết.

Chương trình học tuy phong phú cả về lý thuyết và phương pháp điều tra, nhưng vì không có thời gian thực hành, nên phương pháp và kỹ thuật cũng chỉ dừng lại ở lý thuyết, mặc dù các bài giảng về phương pháp kỹ thuật là những bài tương đối tốt và khách quan. Sinh viên đã dùng kỹ thuật đúng như một công cụ để hoàn chỉnh luận văn, nhưng cũng do vậy, nhiều bản luận văn có rất ít tính xã hội học, có những bản là sự tập hợp ngổn ngang tư liệu, tranh ảnh thực tế mà không có kết luận. Sau khi bảo vệ, luận văn của sinh viên chỉ còn là tài liệu tham khảo cho những đề tài sau tương tự, chứ không được sử dụng trên thực tế.

Mục tiêu đào tạo, phương pháp dạy và học như thế tất yếu dẫn đến việc sinh viên thất nghiệp hoặc rất ít có khả năng được nhận việc ở môi trường thích hợp. Phần lớn họ hướng vào công việc hành chính ở các Bộ xã hội, hoặc dạy ở các trường trung học. Điều này hoàn toàn nằm ngoài ý muốn của người Mỹ với dụng tâm đào tạo một hệ thống cán bộ lâu dài phục vụ cho chế độ của chúng.

Nhìn chung lại, việc đưa xã hội học vào trường đại học là một việc làm cần thiết đối với đế quốc Mỹ. Việc này hình thành muộn hơn việc xuất hiện xã hội học Mỹ ở miền Nam.

Trong khoảng gần 10 năm đầu, đã xuất hiện một cách ồ ạt gần 30 đoàn chuyên gia nghiên cứu của cả chính phủ và tư nhân, của các cơ quan văn hóa, của các Bộ và các Viện nghiên cứu Hoa Kỳ, của các cơ quan thông tin báo chí và xuất bản chịu sự chỉ huy của hãng USIA (United States Information Agency), của các phái đoàn Ủy ban Kinh tế Viễn Đông, Liên hiệp quốc...

Khi xã hội học trong các trường đại học chưa hình thành một cách có hệ thống thì kết quả của các điều tra cụ thể của người Mỹ hoặc do người Mỹ và người Việt Nam cùng tiến hành, đã đóng góp một phần đáng kể vào việc xây dựng các chính sách xã hội đầu tiên của Mỹ-ngụy. Thí dụ như chính sách dồn dân theo đạo Công giáo di cư từ Bắc vào ổn định tại một vùng; kế hoạch xây dựng bước đầu các vành đai quân sự, vành đai công nghiệp, việc bố trí các mạng lưới giao thông trên các tuyến đường có dân Bắc sống như hàng rào bảo vệ. Rồi đến các nghiên cứu phát triển thị tứ, xây dựng ấp chiến lược, thi hành chính sách đô thị hóa cưỡng bức, gây nên một sự xáo trộn kinh khủng trong cơ cấu thân tộc làng xã, cái nôi sinh ra và gìn giữ những tình cảm dân tộc.

Miền Nam trở thành miếng đất thử nghiệm phong phú cho xã hội học, và Mỹ đã sử dụng xã hội học như một vũ khí vạn năng đối với việc chi phối các mặt của đời sống xã hội. Xã hội học điều tra việc phân hóa các giai cấp, phát triển kinh tế xí nghiệp và kinh tế làng xã. Xã hội học nghiên cứu việc bình định đô thị nông thôn, xây dựng đảng phái, tổ chức các cơ quan văn hóa. Xã hội

học tìm hiểu việc giáo dục thanh niên học đường, lũng đoạn tôn giáo dưới hình thức các tổ chức từ thiện. Xã hội học phục vụ thương mại, quảng cáo kinh doanh. Xã hội học đề cập đến cả vấn đề thị hiếu, lối sống, nếp nghĩ của con người.

Xã hội học ở miền Nam là sự pha trộn của rất nhiều trường phái lý thuyết và các phương pháp điều tra xã hội học, và biểu hiện một cách cụ thể của tư tưởng thống trị và chủ nghĩa chống cộng và lối sống Mỹ. Các nghiên cứu cụ thể của người Mỹ tiến hành cùng với các Hội nghiên cứu xã hội học cũng như các công trình mà họ đã cùng làm với các trường đại học nhằm phục vụ những đòi hỏi trước mắt nhằm củng cố chính quyền, đối phó với thực trạng cuộc sống luôn thay đổi do chiến tranh (tỵ nạn, thương phế binh) với những hậu quả xã hội trực tiếp do sự có mặt của quân đội Mỹ gây ra (gái điếm, lưu manh, kẻ vô thừa nhận...). Mặt khác, đó cũng là sự thực hiện lần lượt những bộ phận nhỏ trong quá trình đạt đến mục tiêu lớn là chinh phục hoàn toàn đất và người Việt Nam.

Sự phát triển của xã hội học ở miền Nam và sự thay đổi khuynh hướng giảng dạy xã hội học trong trường đại học. Ở đây đều có những nhược điểm. Nó tạo ra hai loại người làm xã hội học, hoặc là tràn đầy thực tế xô bồ với những phương pháp khoa học mang tính tự nhiên rất rõ, hoặc là bị thâm nhập khá sâu các quan điểm triết học và xã hội học tư biện, mơ hồ... Dù họ có quan niệm rằng có hai khuynh hướng xã hội học rất phân biệt ở miền Nam - một khuynh hướng, chỉ thực nghiệm, một khuynh hướng chỉ lý thuyết - thì trên thực tế cũng không hoàn toàn như vậy.

Những người theo khuynh hướng thực nghiệm Mỹ cho rằng họ chỉ làm khoa học một cách thuần túy, không làm chính trị mà vẫn phục vụ xã hội đặc lực. Nhưng có công trình thực nghiệm nào lại không bắt đầu từ đòi hỏi của một khuynh hướng lý thuyết, lại không là sự thực hành lý thuyết? Những nghiên cứu cụ thể này nếu được khái quát sẽ tự vạch ra sự cố tình đi ngược lại quy luật của cuộc sống, sự chống lại con người. Tất nhiên cũng có thể có những người được đào tạo chỉ để điều tra trực tiếp. Như vậy, họ đã chấp nhận lý thuyết một cách có ý thức hoặc không có ý thức.

Những người theo khuynh hướng lý thuyết (dù là lý thuyết cổ hay hiện đại) là những người xa lạ với thực tế Việt Nam. Họ hình

dung và theo đuổi một mẫu xã hội khác, nên đứng trước thực tế phức tạp và khó khăn, họ không hiểu được bản chất của xã hội và tiền đề của đất nước, hoặc họ bỏ nước ra đi hoặc họ ở lại thì phải có nhiều cố gắng lắm mới gạt bỏ được những nhận thức sai lầm.

Đã gần 20 năm, xã hội học được đưa vào trường đại học ở miền Nam. Sau gần 20 năm ấy, hỏi có bao nhiêu công trình xã hội học của người Việt Nam đã làm với thiện ý phục vụ cho Tổ quốc và xã hội Việt Nam? Có bao nhiêu sinh viên từ khóa đầu tiên đến ngày giải phóng đã thực sự trưởng thành và dùng xã hội học như một vũ khí của người trí thức chống lại sự xâm lược, bảo vệ con người?.

Những thành công và thất bại trong ngành xã hội học ở miền Nam sau 20 năm cho thấy sự cần thiết phải hoàn toàn xây dựng lại ngành khoa học này trên cơ sở của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Cùng với việc thanh toán những tàn dư của tư tưởng xã hội học tư sản ở miền Nam, xã hội học Mác-Lênin được giảng dạy và phổ biến rộng rãi sẽ góp phần đào tạo đội ngũ xã hội học gắn bó với cách mạng và vận dụng được những lý luận và phương pháp khoa học nhất.